

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Dành cho sinh viên đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị

Hồ Chí Minh Thought — a bilingual study guide

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội · Đảng và Nhà nước · Đại đoàn kết · Văn hóa, đạo đức,
con người

Bài tập vận dụng có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 1. Concept, subject matter, research methods and significance of studying Hồ Chí Minh Thought	4
1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The concept of Hồ Chí Minh Thought</i>	4
1.2. Đối tượng nghiên cứu và quan hệ với các môn học khác — <i>Subject matter and relation to other courses</i>	13
1.3. Phương pháp nghiên cứu — <i>Research methods</i>	16
1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>Significance of studying Hồ Chí Minh Thought</i>	22
1.5. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	25
1.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	28
1.7. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	30
Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 2. Foundations, formation and development of Hồ Chí Minh Thought	33
2.1. Cơ sở thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The practical foundations of Hồ Chí Minh Thought</i>	33
2.2. Cơ sở lý luận: truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin — <i>Theoretical foundations: national tradition, the best of world culture, Marxism–Leninism</i>	38
2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh — <i>Hồ Chí Minh’s subjective factor</i>	45
2.4. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The process of formation and development of Hồ Chí Minh Thought</i>	48
2.5. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The value of Hồ Chí Minh Thought</i>	60
2.6. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	63
2.7. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	65
2.8. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	68
Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — Chapter 3. Hồ Chí Minh Thought on national independence and socialism	72
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc — 3.1. <i>Hồ Chí Minh Thought on the question of national independence</i>	72
3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc — 3.2. <i>Hồ Chí Minh Thought on national liberation revolution</i>	81
3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội — <i>Hồ Chí Minh’s conception of socialism</i>	97
3.4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: mục tiêu và động lực — <i>Building socialism in Vietnam: goals and driving forces</i>	104
3.5. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam — <i>The period of transition to socialism in Vietnam</i>	111

3.6. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — <i>The relationship between national independence and socialism</i>	117
3.7. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh Thought on independence linked with socialism today</i>	122
3.8. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	126
3.9. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	132
3.10. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	138

Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân — Chapter 4. Hồ Chí Minh Thought on the Communist Party of Vietnam and the State of the people, by the people, for the people

4.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>The necessity and leading role of the Communist Party of Vietnam</i>	144
4.2. Đảng là đạo đức, là văn minh; Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc — <i>The Party as morality and civilisation; a party of the working class, the working people and the nation</i>	147
4.3. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh: nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và đội ngũ cán bộ, đảng viên — <i>Building a clean, strong Party: organisational and working principles, cadres and members</i>	152
4.4. Nhà nước dân chủ: bản chất giai cấp; Nhà nước của dân, do dân, vì dân — <i>The democratic State: class nature; a State of, by and for the people</i>	157
4.5. Nhà nước pháp quyền; Nhà nước trong sạch, vững mạnh — <i>The rule-of-law State; a clean and strong State</i>	164
4.6. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh Thought to building the Party and the State today</i>	171
4.7. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	173
4.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	176
4.9. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	179

Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế — Chapter 5. Hồ Chí Minh Thought on great national unity and international solidarity

5.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc — <i>The role of great national unity</i>	182
5.2. Lực lượng và điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc — <i>Forces and conditions for building great national unity</i>	188
5.3. Mặt trận dân tộc thống nhất và phương thức xây dựng khối đại đoàn kết — <i>The National United Front and methods of building great unity</i>	192
5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế — <i>Hồ Chí Minh Thought on international solidarity</i>	197
5.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và đoàn kết quốc tế hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh's thought on great unity and international solidarity today</i>	204
5.6. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	208
5.7. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	210

5.8. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	214
Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người — Chapter 6. Hồ Chí Minh Thought on culture, morality and the human being.....	216
6.1. Nhận thức chung về văn hóa và quan hệ của văn hóa với các lĩnh vực khác — <i>General understanding of culture and its relationship with other fields</i>	216
6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa — <i>Hồ Chí Minh's view on the role of culture</i>	226
6.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới — <i>Hồ Chí Minh's view on building a new culture</i>	234
6.4. Vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng — <i>The role and strength of revolutionary morality</i>	238
6.5. Những chuẩn mực đạo đức cách mạng — <i>The standards of revolutionary morality</i>	243
6.6. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng — <i>Principles for building revolutionary morality</i>	253
6.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người — <i>Hồ Chí Minh Thought on the human being</i>	258
6.8. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>Building Vietnamese culture, morality and people today in line with Hồ Chí Minh Thought</i>	264
6.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	270
6.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	274
6.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	280
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — Appendix A. Answer key.....	284
Phụ lục B. Niên biểu cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh — Appendix B. Chronology of Hồ Chí Minh's life and work.....	289
Phụ lục C. Tác phẩm cần nhớ — Appendix C. Key works to remember	291
Phụ lục D. Thuật ngữ Việt – Anh — Appendix D. Vietnamese–English glossary.....	293
Tài liệu tham khảo — References.....	296

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 1. Concept, subject matter, research methods and significance of studying Hồ Chí Minh Thought

1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh — The concept of Hồ Chí Minh Thought

Định nghĩa của Đại hội XI (2011) — The definition of the 11th Congress (2011)

Giáo trình và đề thi dùng định nghĩa mà Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đưa ra. Câu định nghĩa dài một câu, gồm ba vế: bản chất và nội dung, nguồn gốc, giá trị.

The definition used in the textbook and in exams is the one adopted by the 11th National Congress of the Communist Party of Vietnam in 2011. It is a single sentence with three parts: nature and content, sources, value.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi” (Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88).

“Hồ Chí Minh Thought is a comprehensive and profound system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution, the result of applying and creatively developing Marxism–Leninism in the specific conditions of our country, inheriting and developing the nation’s fine traditional values and absorbing the quintessence of human culture; it is an immense and precious spiritual asset of our Party and nation, forever lighting the way for our people’s revolutionary cause to victory”
(Communist Party of Vietnam, Documents of the 11th National Congress, National Political Publishing House, Hanoi, 2011, p. 88).

Mẹo nhớ “1 – 3 – 1”: **một** hệ thống quan điểm; **ba** nguồn (Mác – Lênin, truyền thống dân tộc, tinh hoa nhân loại); **một** tài sản tinh thần soi đường. Khi viết bài, chép theo đúng thứ tự này thì không sót vế nào.

*Memory aid “1 – 3 – 1”: **one** system of views; **three** sources (Marxism–Leninism, national tradition, the best of human culture); **one** spiritual asset that lights the way. Writing it in this order means no part is left out.*

Phân tích từng thành tố của định nghĩa — Analysing each component of the definition

Cụm từ trong định nghĩa <i>Phrase in the definition</i>	Trả lời câu hỏi <i>Answers the question</i>	Nội dung cần hiểu <i>What it means</i>
“một hệ thống quan điểm” <i>“a system of views”</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? <i>What is it?</i>	Các quan điểm gắn với nhau thành chỉnh thể, có logic nội tại; không phải tập hợp rời rạc <i>The views fit together into a whole with an inner logic; not a loose set of sayings</i>
“toàn diện và sâu sắc” <i>“comprehensive and profound”</i>	Rộng đến đâu, sâu đến đâu? <i>How wide and how deep?</i>	Phủ các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đạo đức, đối ngoại; đi tới quy luật chứ không dừng ở hiện tượng <i>Covers politics, economy, military affairs, culture, ethics, foreign relations; reaches laws, not just appearances</i>
“những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam” <i>“the basic issues of the Vietnamese revolution”</i>	Bàn về cái gì? <i>About what?</i>	Mục tiêu, con đường, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cách mạng, con người, quan hệ quốc tế, phương pháp cách mạng <i>Goal, path, leading force, revolutionary forces, people, international relations, revolutionary method</i>
“vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta” <i>“applying and creatively developing Marxism-Leninism in our country’s conditions”</i>	Nguồn lý luận quyết định là gì? <i>What is the decisive theoretical source?</i>	Vận dụng là áp vào hoàn cảnh Việt Nam; phát triển sáng tạo là bổ sung điều kinh điển chưa nói hoặc nói chưa đủ cho nước thuộc địa <i>Applying fits it to Vietnam; creative development adds what the classics had not said, or not fully, about colonies</i>
“kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc” <i>“inheriting and developing the nation’s fine traditions”</i>	Nguồn trong nước là gì? <i>What is the domestic source?</i>	Yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, cần cù, hiếu học; kế thừa có chọn lọc, nâng lên tầm mới <i>Patriotism, solidarity, humaneness, diligence, love of learning; inherited selectively and raised to a new level</i>
“tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại” <i>“absorbing the quintessence of human culture”</i>	Nguồn bên ngoài nào khác? <i>What other outside source?</i>	Giá trị tiên bộ của cả phương Đông và phương Tây (trình bày ở Chương 2) <i>Progressive values of both East and West (covered in Chapter 2)</i>
“tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá” <i>“an immense and precious spiritual asset”</i>	Có giá trị gì, của ai? <i>What value, belonging to whom?</i>	Thuộc về Đảng và cả dân tộc, không riêng một tổ chức <i>Belongs to the Party and the whole nation, not to one organisation alone</i>

Cụm từ trong định nghĩa <i>Phrase in the definition</i>	Trả lời câu hỏi <i>Answers the question</i>	Nội dung cần hiểu <i>What it means</i>
“mãi mãi soi đường... giành thắng lợi” <i>“forever lighting the way... to victory”</i>	Giá trị còn đến bao giờ? <i>How long does it last?</i>	Giá trị lâu dài, hướng tới tương lai; làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động <i>Lasting value looking ahead; serves as ideological foundation and guide for action</i>

Ba ý mà định nghĩa chỉ ra — The three points the definition makes

Ý <i>Point</i>	Nội dung theo giáo trình <i>Content per the textbook</i>	Từ khóa nhớ <i>Keyword</i>
Một <i>One</i>	Nêu bản chất khoa học và cách mạng, nội dung cơ bản: hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, phản ánh tính quy luật của cách mạng Việt Nam <i>States the scientific and revolutionary nature and the basic content: a system of views on the basic issues, reflecting the laws of the Vietnamese revolution</i>	BẢN CHẤT NATURE
Hai <i>Two</i>	Nêu cơ sở hình thành: chủ nghĩa Mác – Lênin là giá trị cơ bản nhất; cùng với truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại <i>States the foundations: Marxism–Leninism as the most basic value, along with national tradition and world culture</i>	NGUỒN GỐC SOURCES
Ba <i>Three</i>	Nêu ý nghĩa: tài sản tinh thần, soi đường; cùng chủ nghĩa Mác – Lênin là bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam <i>States the significance: a spiritual asset that lights the way; with Marxism–Leninism it forms the ideological foundation and guide for action</i>	GIÁ TRỊ VALUE

Nội dung cơ bản theo về thứ nhất có thể xếp thành tám điểm. Mỗi điểm được triển khai thành một chương ở phần sau của môn học.

The basic content under the first part can be arranged into eight points. Each is developed into a chapter later in the course.

Điểm nội dung <i>Content point</i>	Hồ Chí Minh xác định <i>What Hồ Chí Minh set out</i>	Học kỹ ở <i>Studied in</i>
Mục tiêu <i>Goal</i>	Như Di chúc ghi: “một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, góp phần vào cách mạng thế giới <i>A peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam that contributes worthily to the world revolution</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>
Con đường <i>Path</i>	Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>National independence tied to socialism</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>

Điểm nội dung <i>Content point</i>	Hồ Chí Minh xác định <i>What Hồ Chí Minh set out</i>	Học kỹ ở <i>Studied in</i>
Lực lượng lãnh đạo, quản lý <i>Leadership and management</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước cách mạng quản lý <i>The Communist Party of Vietnam leads; the revolutionary State manages</i>	Chương 4 <i>Chapter 4</i>
Lực lượng cách mạng <i>Revolutionary forces</i>	Toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước <i>All patriotic Vietnamese people</i>	Chương 5 <i>Chapter 5</i>
Quan hệ quốc tế <i>International relations</i>	Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển <i>Combine national strength with the strength of the times; peace, cooperation, friendship, common development</i>	Chương 5 <i>Chapter 5</i>
Con người <i>People</i>	Con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng <i>Vietnamese people with ability and revolutionary moral qualities</i>	Chương 6 <i>Chapter 6</i>
Văn hóa, đạo đức <i>Culture and morality</i>	Văn hóa là mục tiêu và động lực; đạo đức là gốc của người cách mạng <i>Culture as goal and driving force; morality as the root of a revolutionary</i>	Chương 6 <i>Chapter 6</i>
Phương pháp <i>Method</i>	Phương pháp cách mạng phù hợp với từng hoàn cảnh <i>Revolutionary methods suited to each situation</i>	Xuyên suốt <i>Throughout</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “hệ thống quan điểm khoa học và cách mạng” thay cho “hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc”. Cụm “khoa học và cách mạng” là nhận xét của giáo trình về bản chất, không nằm trong câu định nghĩa.

Writing “a scientific and revolutionary system of views” instead of “a comprehensive and profound system of views”. “Scientific and revolutionary” is the textbook’s comment on its nature, not part of the definition.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Bỏ chữ “phát triển” trong cụm “vận dụng và phát triển sáng tạo”. Thiếu chữ này, định nghĩa biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành bản áp dụng thuần túy, đúng ý lập luận sai “chỉ là bản sao”.

Dropping “developing” from “applying and creatively developing”. Without it the definition turns his thought into mere application, which is exactly the false “just a copy” argument.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lênin: dễ nhầm ở đâu — *Hồ Chí Minh Thought and Marxism–Leninism: where confusion arises*

Nhận định <i>Statement</i>	Đúng / Sai <i>True / False</i>	Giải thích <i>Explanation</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là bản dịch chủ nghĩa Mác – Lênin sang hoàn cảnh Việt Nam <i>Hồ Chí Minh Thought is Marxism–Leninism translated into Vietnam’s setting</i>	Sai <i>False</i>	Định nghĩa dùng chữ “phát triển sáng tạo”; còn hai nguồn khác là truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại <i>The definition says “creatively developing”; two other sources exist: national tradition and world culture</i>
Chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Marxism–Leninism decides the nature of Hồ Chí Minh Thought</i>	Đúng <i>True</i>	Giáo trình gọi đó là giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành, phát triển <i>The textbook calls it the most basic value in its formation and development</i>
Có thể đặt tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Hồ Chí Minh Thought can be set against Marxism–Leninism</i>	Sai <i>False</i>	Hai bộ phận cùng cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng, nêu song song từ Đại hội VII (1991) <i>Both make up the Party’s ideological foundation, named together since the 7th Congress (1991)</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ có giá trị trong thời Người còn sống <i>It was valid only during his lifetime</i>	Sai <i>False</i>	Định nghĩa ghi “mãi mãi soi đường”; sau năm 1969, tư tưởng ấy vẫn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam <i>The definition says “forever lighting the way”; after 1969 it remains the foundation and guide</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một bạn viết trong bài thi: “Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sau đó Người bổ sung thêm chủ nghĩa Mác – Lênin.” Câu này đặt sai thứ bậc nguồn gốc. Truyền thống yêu nước là nguồn quan trọng, nhưng giáo trình xác định chủ nghĩa Mác – Lênin là giá trị cơ bản nhất, quyết định bản chất. Sửa lại: “Trên nền chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.”

A student writes in an exam: “Hồ Chí Minh Thought grew out of Vietnamese patriotism, and he later added Marxism–Leninism.” This ranks the sources wrongly. Patriotic tradition matters, but the textbook names Marxism–Leninism as the most basic value that decides the nature. Corrected: “On the basis of Marxism–Leninism, Hồ Chí Minh inherited national traditions and absorbed the best of human culture.”

Quá trình Đảng nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh — *How the Party’s understanding of Hồ Chí Minh Thought evolved*

Định nghĩa năm 2011 là điểm cuối của một quá trình kéo dài hơn tám mươi năm. Quá trình ấy không thẳng: sau khi Đảng ra đời, quan điểm của Hồ Chí Minh từng bị hiểu sai rồi mới được khẳng định lại.

The 2011 definition is the end point of a process spanning more than eighty years. That process was not linear: after the Party was founded, Hồ Chí Minh's views were at one point misjudged and only later reaffirmed.

- Đầu năm 1930: các văn kiện thông qua khi thành lập Đảng hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên, chứa những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Early 1930: the documents adopted when the Party was founded make up its first Political Platform, which carries the basic content of Hồ Chí Minh's thought on the Vietnamese revolution.

- Sau đó: Quốc tế Cộng sản và một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương hiểu chưa đúng, do chịu ảnh hưởng đường lối tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) về tập hợp lực lượng ở các nước thuộc địa. Thực tiễn cách mạng chứng minh quan điểm của Hồ Chí Minh đúng.

Afterwards: the Communist International and some members of the Indochinese Communist Party misjudged his views, under the leftist line of the Comintern's 6th Congress (1928) on rallying forces in colonies. Revolutionary practice proved Hồ Chí Minh right.

Mốc Milestone	Đảng nhận thức gì What the Party recognised	Nguồn Source
Đại hội II (2-1951) <i>2nd Congress (Feb 1951)</i>	Đường lối chính trị, nền nếp làm việc, đạo đức cách mạng của Đảng là đường lối, tác phong, đạo đức Hồ Chủ tịch; học tập Người là điều kiện tiên quyết để Đảng mạnh <i>The Party's political line, working style and revolutionary morality are President Hồ's; studying him is the precondition for a strong Party</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.12, tr.9 <i>Party Documents, vol. 12, p. 9</i>
Điều văn (9-1969) <i>Eulogy (Sep 1969)</i>	Ban Chấp hành Trung ương tôn vinh Người là “người anh hùng dân tộc vĩ đại” <i>The Central Committee honours him as “the great national hero”</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.30, tr.275 <i>Party Documents, vol. 30, p. 275</i>
Đại hội IV (12-1976) <i>4th Congress (Dec 1976)</i>	Gắn thắng lợi chống Mỹ, cứu nước với tên tuổi Người; ghi nhận Người sáng lập và rèn luyện Đảng, vun trồng khối đại đoàn kết, xây dựng lực lượng vũ trang <i>Links the victory over the US to his name; credits him as founder and trainer of the Party, builder of national unity and of the armed forces</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.37, tr.474 <i>Party Documents, vol. 37, p. 474</i>
Đại hội V (3-1982) <i>5th Congress (Mar 1982)</i>	Yêu cầu tổ chức cho toàn Đảng học một cách bài bản tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người <i>Requires the whole Party to study his thought, morality and style systematically</i>	Văn kiện Đại hội V, t.3, tr.61 <i>5th Congress Documents, vol. 3, p. 61</i>

Mốc <i>Milestone</i>	Đảng nhận thức gì <i>What the Party recognised</i>	Nguồn <i>Source</i>
Đại hội VI (12-1986) <i>6th Congress (Dec 1986)</i>	Mở đường lối đổi mới; yêu cầu Đảng tiếp nhận di sản tư tưởng, lý luận cách mạng mà Người để lại <i>Opens Đổi Mới; calls for inheriting his precious legacy of revolutionary thought and theory</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.47, tr.807 <i>Party Documents, vol. 47, p. 807</i>
Đại hội VII (1991) <i>7th Congress (1991)</i>	Lần đầu lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; coi tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin <i>First takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as ideological foundation and guide for action; calls his thought the result of creatively applying Marxism–Leninism</i>	Văn kiện Đại hội VII, tr.127 <i>7th Congress Documents, p. 127</i>
Đại hội IX (4-2001) <i>9th Congress (Apr 2001)</i>	Nêu định nghĩa đầy đủ hơn: hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc; ba nguồn gốc <i>Gives a fuller definition: comprehensive, profound system of views; three sources</i>	Văn kiện Đại hội IX, tr.83 <i>9th Congress Documents, p. 83</i>
Đại hội X (4-2006) <i>10th Congress (Apr 2006)</i>	Tổng kết 76 năm: tư tưởng của Người cùng chủ nghĩa Mác – Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng; là tài sản tinh thần vô giá, ngọn cờ thắng lợi <i>Reviews 76 years: his thought with Marxism–Leninism is forever the ideological foundation; a priceless spiritual asset, the banner of victory</i>	Văn kiện Đại hội X, tr.6-7 <i>10th Congress Documents, pp. 6-7</i>
Đại hội XI (2011) <i>11th Congress (2011)</i>	Định nghĩa hoàn chỉnh, thêm về “tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá... mãi mãi soi đường” <i>Completes the definition, adding “an immense and precious spiritual asset... forever lighting the way”</i>	Văn kiện Đại hội XI, tr.88 <i>11th Congress Documents, p. 88</i>
Đại hội XII (2016) <i>12th Congress (2016)</i>	Yêu cầu “kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam” <i>Requires steadfastness in Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought, with creative application suited to Vietnam</i>	Văn kiện Đại hội XII, tr.199 <i>12th Congress Documents, p. 199</i>
Đại hội XIII (25/1–1/2/2021) <i>13th Congress (25 Jan–1 Feb 2021)</i>	Đặt kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lên đầu các yêu cầu kiên định <i>Puts steadfastness in, and creative application and development of, Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought first among its steadfastness requirements</i>	Nghị quyết Đại hội XIII (baochinhphu.vn) <i>13th Congress Resolution (baochinhphu.vn)</i>

- Nội dung “lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động” còn được ghi trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Đại hội VII thông qua năm 1991, bổ sung,

phát triển năm 2011) và trong Hiến pháp năm 1992, năm 2013.

The statement that Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought are the ideological foundation and guide for action is also written into the Platform for national construction in the transition to socialism (passed in 1991 by the 7th Congress; amended and expanded in 2011) as well as in the Constitutions of 1992 and 2013.

- Vì sao mốc là Đại hội VII: đến năm 1991, Hồ Chí Minh đã mất 22 năm, đổi mới đã đi được 5 năm; thực tiễn cho thấy tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, là yếu tố chỉ đạo đưa cách mạng tới thắng lợi.

Why the 7th Congress: by 1991 Hồ Chí Minh had been dead for 22 years and Đổi Mới had run for 5; practice showed that his thought, together with Marxism–Leninism, guided the revolution to its victories.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội VII (1991): “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127).

7th Congress (1991): “The Party takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action” (Documents of the 7th National Congress, Sự thật Publishing House, Hanoi, 1991, p. 127).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội II (2-1951): “Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch” (Văn kiện Đảng Toàn tập, t.12, tr.9).

2nd Congress (Feb 1951): “Let the whole Party strive to study President Hồ’s political line, style and revolutionary morality” (Party Documents, Complete Collection, vol. 12, p. 9).

So sánh ba lần Đảng nêu nội hàm: VII – IX – XI — Comparing three formulations: 7th – 9th – 11th

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đại hội VII (1991) <i>7th (1991)</i>	Đại hội IX (2001) <i>9th (2001)</i>	Đại hội XI (2011) <i>11th (2011)</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là <i>It is</i>	Kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin <i>The result of creatively applying Marxism–Leninism</i>	Hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc <i>A comprehensive and profound system of views</i>	Hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc <i>A comprehensive and profound system of views</i>
Đối với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Relation to Marxism–Leninism</i>	Vận dụng sáng tạo <i>Creative application</i>	Vận dụng và phát triển sáng tạo <i>Creative application and development</i>	Vận dụng và phát triển sáng tạo <i>Creative application and development</i>
Nguồn trong nước, quốc tế <i>Domestic and world sources</i>	Chưa nêu <i>Not stated</i>	Truyền thống dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại <i>National tradition; world culture</i>	Truyền thống dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại <i>National tradition; world culture</i>
Về giá trị <i>Value clause</i>	Tài sản tinh thần quý báu của Đảng và dân tộc <i>A precious spiritual asset of the Party and nation</i>	Chưa có trong câu định nghĩa <i>Not in the definition</i>	Tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá... mãi mãi soi đường <i>An immense and precious spiritual asset... forever lighting the way</i>

Mẹo nhớ “7 – 9 – 11 = Nền – Nghĩa – Nét cuối”: Đại hội VII đặt **nền** tảng tư tưởng; Đại hội IX đưa **nghĩa** (định nghĩa) đầy đủ; Đại hội XI thêm **nét cuối** là về giá trị.

Memory aid “7 – 9 – 11 = Foundation – Definition – Finish”: the 7th Congress lays the foundation; the 9th gives the full definition; the 11th adds the finishing value clause.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Đại hội VI (1986) lần đầu khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng”. Đại hội VI chỉ nói kế thừa di sản tư tưởng và lý luận của Người; mốc “nền tảng tư tưởng” là Đại hội VII (1991).

Writing “the 6th Congress (1986) first declared Hồ Chí Minh Thought the ideological foundation”. The 6th only spoke of inheriting his legacy; the “ideological foundation” milestone is the 7th (1991).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gán định nghĩa đầy đủ cho Đại hội XII (2016) hoặc ghi Đại hội XI là năm 2016. Đại hội XI họp năm 2011; Đại hội XII năm 2016 nhấn mạnh yêu cầu kiên định, không đưa định nghĩa mới.

Attributing the full definition to the 12th Congress (2016), or dating the 11th to 2016. The 11th met in 2011; the 12th, in 2016, stressed steadfastness and gave no new definition.

Sự ghi nhận của quốc tế: UNESCO — *International recognition: UNESCO*

Khóa họp lần thứ 24 Đại Hội đồng UNESCO tại Pari (20-10 đến 20-11-1987) thông qua Nghị quyết số 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết dựa trên Quyết định số 18C/4.351 (Khóa 18) về kỷ niệm ngày sinh danh nhân, và ghi nhận năm 1990 là kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của “anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”.

The 24th session of the UNESCO General Conference in Paris (20 October – 20 November 1987) adopted Resolution 24C/18.6.5 on the centenary of President Hồ Chí Minh’s birth. It built on Decision 18C/4.351 (18th session) on commemorating eminent figures, and recognised 1990 as the centenary of the birth of the “hero of national liberation and outstanding man of culture of Vietnam”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi UNESCO ra nghị quyết năm 1990. Nghị quyết thông qua năm 1987; 1990 là năm diễn ra kỷ niệm. Cũng không ghi “Khóa 18”: Khóa 18 là nơi thông qua quyết định chung về kỷ niệm danh nhân.

Dating the UNESCO resolution to 1990. It was adopted in 1987; 1990 is the anniversary year. Nor is it “the 18th session”: that session adopted the general decision on commemorating eminent figures.

1.2. Đối tượng nghiên cứu và quan hệ với các môn học khác — *Subject matter and relation to other courses*

Vị trí và đối tượng của môn học — *Place and subject matter of the course*

Xét vị trí khoa học, môn học này là một bộ phận của chuyên ngành Hồ Chí Minh học; chuyên ngành đó nằm trong ngành Khoa học chính trị. Đối tượng nghiên cứu có hai lớp: hệ thống quan điểm của Người, và quá trình hệ thống ấy đi vào đời sống.

Hồ Chí Minh Thought is a component of Hồ Chí Minh Studies, within Political Science. Its subject matter has two layers: his system of views, and the process by which that system enters real life.

Lớp đối tượng <i>Layer</i>	Gồm những gì <i>What it covers</i>	Tìm ở đâu <i>Where to find it</i>
Thứ nhất: hệ thống quan điểm <i>First: the system of views</i>	Toàn bộ quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, rút ra từ hoạt động ở trong nước và trên thế giới <i>All his views on the basic issues of the Vietnamese revolution, drawn from his work at home and abroad</i>	Bài nói, bài viết; hoạt động cách mạng; cuộc sống hằng ngày của Người <i>Speeches and writings; revolutionary activity; his daily life</i>
Thứ hai: quá trình vận động trong thực tiễn <i>Second: the process in practice</i>	Quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm trong sự phát triển của dân tộc; vận dụng sáng tạo, phát triển trong điều kiện mới <i>How the system is “put into practice” in the nation’s development; creative application and development in new conditions</i>	Văn kiện, đường lối của Đảng; thành tựu và bài học của cách mạng, kể cả sau năm 1969 <i>Party documents and lines; achievements and lessons of the revolution, including after 1969</i>

- Mục đích xuyên suốt của hệ thống quan điểm là giải phóng ở tầm dân tộc và tầm thế giới, theo bốn nấc: dân tộc, xã hội, giai cấp và sau cùng là con người.
The aim running through the system is liberation at national and world level, in four steps: liberation of the nation, of society, of classes, and of human beings.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đối tượng nghiên cứu môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: (1) toàn bộ quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện trong di sản của Người (bài nói, bài viết, hoạt động cách mạng, cuộc sống hằng ngày); (2) quá trình hệ thống quan điểm ấy vận động, được hiện thực hóa trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Subject matter of Hồ Chí Minh Thought: (1) all of Hồ Chí Minh’s views as expressed in his legacy (speeches, writings, revolutionary activity, daily life); (2) the process by which that system of views moves and is realised in the practice of the Vietnamese revolution.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng đối tượng chỉ là các tác phẩm in trong Toàn tập. Giáo trình tính cả hoạt động cách mạng, cuộc sống hằng ngày của Người và quá trình hiện thực hóa sau này.

Assuming the subject matter is only the works printed in the Complete Works. The textbook also counts his revolutionary activity, daily life and later realisation of his views.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Sinh viên chọn đề tiểu luận “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm và việc chống lãng phí ở trường đại học”. Bài đủ đối tượng nếu có ba phần: quan điểm của Người trong bài viết; cách Người thực hành tiết kiệm trong sinh hoạt; cách nhà trường hôm nay vận dụng (tắt điện phòng trống, dùng tài liệu số thay bản in). Bài chỉ tóm tắt bài viết là thiếu lớp đối tượng thứ hai.

A student picks the essay topic “Hồ Chí Minh’s thought on thrift and fighting waste at university”. The paper covers the subject matter if it has three parts: his views in writing; how he practised thrift in daily life; how the university applies it today (switching off lights in empty rooms, digital instead of printed materials). A paper that only summarises his writings misses the second layer.

Quan hệ với các môn Mác – Lênin và Lịch sử Đảng — *Relation to the Marxist–Leninist courses and Party History*

Năm môn lý luận chính trị bậc đại học gắn với nhau theo một trục: các môn Mác – Lênin cho thế giới quan, phương pháp luận và lý luận chung; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cho phần vận dụng, phát triển vào Việt Nam; môn Lịch sử Đảng cho thấy Đảng đưa tư tưởng ấy vào đường lối, phong trào như thế nào.

The five political-theory courses at university form one axis: the Marxist–Leninist courses supply the world view, methodology and general theory; Hồ Chí Minh Thought covers its application and development in Vietnam; Party History shows how the Party turned that thought into lines and movements.

Môn học <i>Course</i>	Nghiên cứu chủ yếu <i>Main focus</i>	Quan hệ với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Relation to Hồ Chí Minh Thought</i>
Triết học Mác – Lênin <i>Marxist–Leninist Philosophy</i>	Quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy <i>The most general laws of nature, society, thought</i>	Cho cơ sở thế giới quan và phương pháp luận (duy vật biện chứng, duy vật lịch sử) để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Provides the world view and methodology (dialectical and historical materialism) for studying his thought</i>
Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist–Leninist Political Economy</i>	Quan hệ sản xuất, quy luật kinh tế <i>Relations of production, economic laws</i>	Cơ sở để hiểu quan điểm của Người về kinh tế trong thời kỳ quá độ <i>Basis for his views on the economy in the transition period</i>
Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	Quy luật hình thành, phát triển hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa <i>Laws of the rise and growth of the communist socio-economic formation</i>	Lý luận chung về chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh giai cấp công nhân; Hồ Chí Minh vận dụng vào con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>General theory of socialism and the working class’s mission; Hồ Chí Minh applied it as independence tied to socialism</i>
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	Sự ra đời, đường lối, quá trình lãnh đạo của Đảng <i>The Party’s founding, lines and leadership</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng; Lịch sử Đảng cho thấy lớp đối tượng thứ hai (hiện thực hóa) diễn ra ra sao <i>His thought is the Party’s ideological foundation; Party History shows how the second layer (realisation) unfolded</i>

Câu hỏi phân biệt <i>Distinguishing question</i>	Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh Thought</i>	Môn Lịch sử Đảng <i>Party History</i>
Hỏi về cái gì? <i>Asks about what?</i>	Quan điểm, lý luận: Người nghĩ gì, vì sao, giá trị ra sao <i>Views and theory: what he thought, why, and their value</i>	Sự kiện, đường lối, quá trình: Đảng làm gì, khi nào, kết quả ra sao <i>Events, lines, process: what the Party did, when, with what result</i>
Đơn vị phân tích <i>Unit of analysis</i>	Luận điểm <i>Thesis</i>	Giai đoạn lịch sử, hội nghị, đại hội <i>Historical period, conference, congress</i>
Ví dụ cùng chủ đề “đại đoàn kết” <i>Same topic “great national unity”</i>	Vì sao đại đoàn kết là vấn đề chiến lược; lực lượng, nguyên tắc <i>Why unity is strategic; its forces and principles</i>	Mặt trận Việt Minh (1941) ra đời và hoạt động thế nào <i>How the Việt Minh Front (1941) was formed and worked</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời câu hỏi về luận điểm của Hồ Chí Minh bằng cách kể diễn biến lịch sử. Đề Tư tưởng Hồ Chí Minh chấm ở luận điểm, lý do và giá trị; sự kiện chỉ dùng làm dẫn chứng.

Answering a question on Hồ Chí Minh’s theses by narrating historical events. Hồ Chí Minh Thought exams grade theses, reasons and value; events serve only as evidence.

1.3. Phương pháp nghiên cứu — *Research methods*

Phương pháp nghiên cứu môn học gồm hai tầng: phương pháp luận (năm nguyên tắc chỉ đạo cách nhìn) và các phương pháp cụ thể (cách làm khi đọc, phân tích tư liệu). Đề thi hay hỏi lần hai tầng này.

The research methods operate on two levels: methodology (five principles that shape one’s outlook) and specific methods (how one reads and analyses material). Exams often mix the two levels.

Phương pháp luận: cơ sở và năm nguyên tắc — *Methodology: basis and five principles*

Phương pháp luận Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm cơ sở, hình thành qua quá trình hoạt động cách mạng của Người. Nó chỉ đạo cách nghĩ, cách làm trong từng hoàn cảnh cụ thể, nhằm giải phóng dân tộc, xã hội, giai cấp và cuối cùng là con người.

Hồ Chí Minh’s methodology rests on dialectical and historical materialism and took shape through his revolutionary work. It guides thinking and action in each concrete situation, aiming to free the nation, society, classes and, finally, human beings.

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Yêu cầu chính <i>Main requirement</i>	Vi phạm thì <i>If violated</i>
a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học <i>a. Unity of Party spirit and scientific spirit</i>	Đứng trên lập trường giai cấp công nhân, quan điểm Mác – Lênin, quán triệt cương lĩnh, đường lối của Đảng; đồng thời bảo đảm khách quan, khoa học <i>Stand on the working-class position and Marxist–Leninist views, grasp the Party’s platform and line; at the same time stay objective and scientific</i>	Chỉ có tính đảng: minh họa, tô vẽ. Chỉ có “khoa học” tách lập trường: dễ xuyên tạc <i>Party spirit alone: illustration and embellishment. “Science” without a stance: easily distorted</i>
b. Thống nhất lý luận và thực tiễn <i>b. Unity of theory and practice</i>	Lý luận tổng kết từ thực tế, rồi được thực tế kiểm nghiệm; không tuyệt đối hóa mặt nào <i>Theory sums up practice and is tested by it; neither side absolutised</i>	Bệnh khinh lý luận hoặc bệnh lý luận suông <i>Scorn for theory, or empty theorising</i>
c. Quan điểm lịch sử – cụ thể <i>c. Historical-concrete view</i>	Xét quan điểm trong mỗi liên hệ lịch sử: ra đời thế nào, qua giai đoạn nào, nay ra sao (theo V.I. Lênin) <i>Place a view in its historical context: how it arose, through which stages, what it is now (following Lenin)</i>	Áp máy móc câu nói của thời chiến cho hoàn cảnh hôm nay, hoặc ngược lại <i>Mechanically applying wartime statements to today, or the reverse</i>
d. Quan điểm toàn diện và hệ thống <i>d. Comprehensive and systemic view</i>	Thấy mối liên hệ giữa các bộ phận quanh hạt nhân: độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; biết chọn trọng điểm <i>See links between parts around the core: independence, freedom, democracy and socialism; know where to focus</i>	Tách một yếu tố khỏi hệ thống là hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Detaching one element from the system misreads his thought</i>
e. Quan điểm kế thừa và phát triển <i>e. Inheritance and development</i>	Kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới, trong nước và quốc tế <i>Inherit, apply and creatively develop in new historical conditions at home and abroad</i>	Giáo điều, lặp lại; hoặc “phát triển” tới mức đi ngược tư tưởng gốc <i>Dogmatism and repetition; or “developing” to the point of contradicting the original</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Năm nguyên tắc phương pháp luận — mẹo nhớ “**Đảng – Lý – Sử – Toàn – Kế**”: tính **đảng** và tính khoa học; **lý** luận và thực tiễn; **lịch sử** – cụ thể; **toàn** diện và hệ thống; **kế** thừa và phát triển.
*Five methodological principles — memory aid “**Party – Theory – History – Whole – Heritage**”: **Party** spirit and scientific spirit; **theory** and practice; **historical-concrete**; comprehensive (**whole**) and systemic; inheritance (**heritage**) and development.*

a. Tính đảng và tính khoa học: thước đo của người cách mạng — a. Party spirit and scientific spirit: the yardstick of a revolutionary

- Thống nhất hai tính là nguyên tắc cơ bản; chỉ trên cơ sở ấy người nghiên cứu mới hiểu sâu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Unity of the two is a basic principle; only on that basis can a researcher understand his thought in depth.

- Mục tiêu cuối cùng là con người được giải phóng toàn diện; các cuộc giải phóng khác là mục tiêu từng chặng. Mục tiêu “xã hội cộng sản” đã được ghi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên đầu năm 1930.

The final goal is the all-round liberation of human beings; the other liberations are stage goals. The goal of a “communist society” was written into the first Political Platform in early 1930.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thước đo duy nhất để biết người cách mạng, tổ chức cách mạng nghĩ đúng, làm đúng hay không: việc ấy có mang lại **quyền lợi chính đáng cho nhân dân** hay không.

*The only yardstick of the effectiveness of a revolutionary's or a revolutionary organisation's thinking and action: whether it brings **legitimate benefits to the people**.*

b. Lý luận và thực tiễn: những câu phải thuộc — b. Theory and practice: quotations to memorise

Đây là nguyên tắc có nhiều câu trích nhất trong chương. Tất cả nằm ở Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 273 – 275.

This principle carries the most quotations in the chapter. All are in Hồ Chí Minh: Complete Works, National Political Publishing House, Hanoi, 2011, volume 5, pages 273 – 275.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.273-274).

“Theory is like a compass; it shows us the direction in practical work. Without theory one fumbles like walking with one's eyes shut” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 273-274).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274-275).

“Theory must be put into practice. Practice must follow theory” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 274-275).

Hình ảnh Hồ Chí Minh dùng <i>Image he used</i>	Chỉ điều gì <i>What it describes</i>	Nguồn <i>Source</i>	Biểu hiện ở sinh viên hôm nay <i>Today's student version</i>
“nhắm mắt mà đi” <i>“walking with eyes shut”</i>	Không có lý luận thì lúng túng <i>Without theory one fumbles</i>	t.5, tr.273-274 <i>vol. 5, pp. 273-274</i>	Làm đồ án theo mẫu khóa trước, không hiểu vì sao chọn phương án <i>Copying last year's project template without knowing why</i>
“bệnh khinh lý luận” <i>“the illness of scorning theory”</i>	Coi thường học lý luận <i>Belittling theory</i>	t.5, tr.274 <i>vol. 5, p. 274</i>	“Đi làm rồi học sau, lý thuyết vô dụng” <i>“Learn on the job; theory is useless”</i>
“một mắt sáng, một mắt mờ” <i>“one eye open, one eye blurred”</i>	Có kinh nghiệm mà không có lý luận <i>Experience without theory</i>	t.5, tr.274 <i>vol. 5, p. 274</i>	Giỏi làm thêm, bán hàng nhưng không giải thích được vì sao lúc lãi lúc lỗ <i>Good at a side job but unable to explain profits and losses</i>
“lý luận suông” <i>“empty theorising”</i>	Có lý luận nhưng không áp dụng vào thực tế <i>Theory not applied to reality</i>	t.5, tr.275 <i>vol. 5, p. 275</i>	Điểm thi cao, thực tập không làm được việc <i>High exam marks, unable to work during an internship</i>
“một cái hòm đựng sách” <i>“a box for storing books”</i>	Đọc hàng vạn quyển mà không thực hành <i>Reading thousands of books without practice</i>	t.5, tr.274-275 <i>vol. 5, pp. 274-275</i>	Lưu hàng trăm khóa học, tài liệu trên máy nhưng không làm bài tập nào <i>Hoarding hundreds of courses and files without doing any exercise</i>
Cái tên và cái đích <i>The arrow and the target</i>	Lý luận là tên (viên đạn), thực hành là đích; có tên mà không bắn thì như không có tên <i>Theory is the arrow (bullet), practice the target; an arrow never shot is as good as none</i>	t.5, tr.274-275 <i>vol. 5, pp. 274-275</i>	Học kỹ năng xong không dùng vào dự án thật <i>Learning a skill and never using it on a real project</i>

- Ở Hồ Chí Minh, lý luận đã chứa thực tiễn và thực tiễn đã chứa lý luận. Tách riêng hai mặt chỉ là thao tác tạm thời khi nghiên cứu; bản chất là thống nhất biện chứng.
In Hồ Chí Minh, theory already contains practice and practice already contains theory. Separating them is only a temporary research step; in substance they form a dialectical unity.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm hai hình ảnh: “một mắt sáng, một mắt mờ” chỉ người có kinh nghiệm mà thiếu lý luận; “cái hòm đựng sách” chỉ người đọc nhiều lý luận mà không thực hành. Hai bệnh ngược chiều nhau.

Swapping two images: “one eye open, one eye blurred” describes experience without theory; “a box for storing books” describes much theory without practice. They are opposite illnesses.

c – d – e. Lịch sử – cụ thể; toàn diện – hệ thống; kế thừa – phát triển — c – d – e.
Historical-concrete; comprehensive-systemic; inheritance-development

- **Lịch sử – cụ thể:** vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nắm nguyên tắc này thì thấy tư tưởng Hồ Chí Minh mang dấu ấn của quá trình lịch sử, của phát triển sáng tạo và đổi mới.

Historical-concrete: applying historical materialism. With this principle one sees that his thought bears the mark of historical development, creative growth and renewal.

- **Toàn diện – hệ thống:** Hồ Chí Minh xét cái chung và cái riêng trong một tổng thể đang vận động; đặt cách mạng Việt Nam trong quan hệ với cách mạng thế giới; vừa bao quát vừa chỉ ra trọng điểm của từng giai đoạn.

Comprehensive-systemic: Hồ Chí Minh viewed the general and the particular within a moving whole; placed the Vietnamese revolution in relation to the world revolution; took in the whole while picking out the focus of each stage.

- **Ứng dụng của nguyên tắc toàn diện:** giải quyết quan hệ dân tộc – giai cấp qua từng thời kỳ; tìm điểm tương đồng giữa các giai cấp, tầng lớp, nhân điểm tương đồng, hạn chế điểm khác biệt để tạo lực lượng tổng hợp.

Use of the comprehensive principle: handling the nation–class relation in each period; finding common ground among classes and strata, enlarging it and limiting differences to build a combined force.

- **Kế thừa – phát triển:** sự vật luôn vận động; con người phải thích nghi bằng tự đổi mới, khẳng định cái mới, phủ định cái cũ, vượt qua trở lực bên ngoài, bên trong và trong chính mình.

Inheritance-development: things are always in motion; people adapt by renewing themselves, affirming the new, negating the old and overcoming obstacles outside, inside and within themselves.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một nhóm sinh viên viết bài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết vào làm việc nhóm”. Áp dụng ba nguyên tắc: lịch sử – cụ thể (quan điểm đoàn kết ra đời trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nay đặt vào môi trường học tập); toàn diện (đoàn kết gắn với mục tiêu chung, với phê bình và tự phê bình, không tách riêng); kế thừa – phát triển (bổ sung công cụ số như bảng phân việc trực tuyến, nhưng giữ nguyên tắc tìm điểm chung, tôn trọng khác biệt).

A student group writes “Applying Hồ Chí Minh’s thought on unity to teamwork”. All three principles apply: historical-concrete (his view of unity arose in the national liberation struggle, now placed in a study setting); comprehensive (unity tied to a shared goal and to criticism and self-criticism, not isolated); inheritance-development (adding digital tools such as an online task board while keeping the rule of finding common ground and respecting differences).

Các phương pháp cụ thể — *Specific methods*

Giáo trình dùng định nghĩa “phương pháp” của nhóm tác giả do Giáo sư Đặng Xuân Kỳ chủ biên (Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh, 1997): phương pháp là hệ thống

nguyên tắc rút ra từ quy luật của đối tượng đã được nhận thức, dùng để định hướng, điều chỉnh hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm đạt mục đích.

The textbook adopts the definition of “method” by the authors led by Professor Đặng Xuân Kỳ (Hồ Chí Minh’s Method and Style, 1997): a method is a system of principles drawn from the known laws of an object, used to orient and adjust cognitive and practical activity toward a set goal.

Phương pháp <i>Method</i>	Cách làm <i>How it works</i>	Ví dụ khi ôn môn này <i>Example when revising</i>
Lôgic kết hợp lịch sử <i>Logical combined with historical</i>	Lôgic: khái quát bản chất, mối liên hệ tất yếu thành lý luận. Lịch sử: theo trình tự thời gian từ phát sinh tới hệ quả; nghiên cứu lịch sử tư tưởng là cách sát nhất <i>Logical: abstracts the essence and necessary links into theory. Historical: follows time order from origin to outcome; the history of ideas suits best</i>	Lập bảng các mốc Đại hội (lịch sử) rồi rút ra xu hướng nhận thức của Đảng (lôgic) <i>Tabulate the Congress milestones (historical), then draw out the trend in the Party’s understanding (logical)</i>
Phân tích văn bản kết hợp nghiên cứu hoạt động thực tiễn <i>Text analysis plus study of practice</i>	Dựa trước hết vào tác phẩm (Toàn tập 15 tập, 2011); bổ sung bằng hoạt động chỉ đạo, đời sống hằng ngày của Người và hoạt động của học trò, đồng chí <i>Rely first on his works (15-volume Complete Works, 2011); add his leadership practice, daily life and the work of his comrades and students</i>	Đọc một bài viết về tiết kiệm rồi đối chiếu với lối sống giản dị của Người <i>Read a piece on thrift, then compare it with his simple way of life</i>
Chuyên ngành, liên ngành <i>Disciplinary and interdisciplinary</i>	Người thể hiện tư tưởng qua chính trị, triết học, kinh tế, quân sự, văn hóa... nên cần công cụ nhiều ngành <i>His thought spans politics, philosophy, economics, military affairs, culture... so tools from many fields are needed</i>	Dùng kiến thức kinh tế học để phân tích quan điểm của Người về thực hành tiết kiệm trong sản xuất <i>Use economics to analyse his views on thrift in production</i>
Phương pháp khác <i>Other methods</i>	Phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học...; chọn theo yêu cầu của nội dung nghiên cứu <i>Analysis, synthesis, comparison, sociological surveys...; chosen to fit the content</i>	Khảo sát 100 sinh viên về thói quen tiết kiệm để viết tiểu luận <i>Survey 100 students on saving habits for an essay</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Liệt kê “phương pháp lôgic – lịch sử” vào danh sách năm nguyên tắc phương pháp luận, hoặc ghi “quan điểm toàn diện” là phương pháp cụ thể. Năm nguyên tắc là tầng phương pháp luận; lôgic – lịch sử, phân tích văn bản, liên ngành là tầng phương pháp cụ thể.

Putting “logical – historical method” in the list of five methodological principles, or calling the “comprehensive view” a specific method. The five principles are methodology; logical-historical, text analysis and interdisciplinary work are specific methods.

1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — *Significance of studying Hồ Chí Minh Thought*

Ý nghĩa <i>Significance</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Từ khóa <i>Keyword</i>
1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận <i>1. Raising capacity for theoretical thinking</i>	Trang bị tri thức về hệ thống quan điểm; củng cố lập trường; kiên định độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; đấu tranh với quan điểm sai trái; vận dụng giải quyết vấn đề cuộc sống <i>Knowledge of the system of views; a firm stance; steadfastness in independence tied to socialism; fighting wrong views; applying it to life's problems</i>	TƯ DUY THINKING
2. Giáo dục, thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin, bồi dưỡng lòng yêu nước <i>2. Educating and practising revolutionary morality, strengthening belief, nurturing patriotism</i>	Học tấm gương suốt đời phục vụ Tổ quốc, nhân dân; chống chủ nghĩa cá nhân, “giặc nội xâm”; nâng bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân <i>Learn from a life spent serving the country and the people; fight individualism and the “internal enemy”; build political resolve and civic responsibility</i>	ĐẠO ĐỨC – NIỀM TIN MORALITY – BELIEF
3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác <i>3. Building working methods and style</i>	Phương pháp học tập, tu dưỡng; phong cách tư duy, diễn đạt, làm việc, ứng xử, sinh hoạt; phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” <i>Methods of study and self-improvement; style of thinking, expression, work, conduct and living; the motto “use the unchanging to respond to endless change”</i>	PHONG CÁCH STYLE

Năng lực tư duy lý luận và mục tiêu trong Di chúc — *Theoretical thinking and the goal in the Testament*

Năng lực tư duy lý luận hình thành từ nhiều nguồn, qua nhiều giai đoạn đời người; thời gian học đại học là giai đoạn quan trọng vì gắn với tuổi trẻ. Tri thức và kỹ năng của môn học giúp sinh viên trở thành công dân có ích, góp vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

The capacity for theoretical thinking comes from many sources over many stages of life; university is a key stage because it coincides with youth. The course's knowledge and skills help students become useful citizens, contributing to the goal of a prosperous people, a strong country, democracy, justice and civilisation.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Di chúc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.614).

Testament: “Let our whole Party and people unite and strive to build a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam, and make a worthy contribution to the world revolution” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 15, p. 614).

Mẹo nhớ năm tính từ trong Di chúc theo thứ tự: “**Hòa – Thống – Độc – Dân – Giàu**” (hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh). Đề hay đảo thứ tự hoặc thay “giàu mạnh” bằng “văn minh”.

Memory aid for the five adjectives in the Testament, in order: “Peace – Unity – Independence – Democracy – Prosperity”. Exams often shuffle the order or swap “prosperous” for “civilised”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trộn câu Di chúc với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mục tiêu sau là cách diễn đạt của Đảng trong thời kỳ đổi mới, không phải lời trong Di chúc.

Mixing the Testament sentence with the goal “prosperous people, strong country, democracy, justice, civilisation”. The latter is the Party’s wording in the Đổi Mới era, not words from the Testament.

Đạo đức, niềm tin và phong cách — *Morality, belief and style*

- Người học nắm được cuộc đời Hồ Chí Minh ở ba tư cách: người đứng đầu Đảng; người con lớn của dân tộc; chiến sĩ quốc tế vì độc lập, hòa bình, hữu nghị và tiến bộ của các dân tộc.

Learners come to know Hồ Chí Minh’s life and work: leader of the Party, great son of the nation, fighter for independence, peace, friendship, cooperation and progress among nations.

- Đạo đức cách mạng phải được thực hành: đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân và “giặc nội xâm”; lập thân, lập nghiệp; làm điều thiện, tránh điều ác; nguyện “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Practising revolutionary morality: fight individualism and the “internal enemy”; build oneself and one’s career; love good and avoid evil; pledge to “live, fight, work and study following the example of the great Uncle Hồ”.

- Phong cách: tư duy, diễn đạt, làm việc, ứng xử, sinh hoạt phù hợp từng lúc, từng nơi theo phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến”: giữ vững cái gốc không đổi, linh hoạt trước cái thay đổi.

Style: ways of thinking, expressing, working, behaving and living suited to each time and place, under the motto “use the unchanging to respond to endless change”: keep the root fixed, stay flexible toward what changes.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một sinh viên làm cộng tác viên nội dung cho một nhãn hàng. Cái “bất biến”: trung thực với khách hàng, không đăng thông tin sai về sản phẩm. Cái “vạn biến”: định dạng (video ngắn, bài dài), giọng văn, giờ đăng theo từng nền tảng. Khi nhãn hàng yêu cầu viết “cam kết khỏi bệnh” cho thực phẩm chức năng, sinh viên từ chối vì phạm vào cái bất biến.

A student works as a freelance content writer for a brand. The “unchanging”: honesty with customers, no false product claims. The “endless change”: format (short video, long post), tone and posting time for each platform. When the brand asks for a “guaranteed cure” line for a dietary supplement, the student refuses because it breaks the unchanging part.

Lý luận chương 1 → vận dụng hiện nay — Chapter 1 theory → application today

Luận điểm <i>Thesis</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là phát triển sáng tạo, không sao chép <i>Creative development, not copying</i>	Phản bác bài đăng trên mạng cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh “chỉ là bản sao” hoặc “đối lập” với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Rebut posts claiming his thought is “just a copy” of, or “opposed” to, Marxism–Leninism</i>
Thước đo: quyền lợi chính đáng của nhân dân <i>Yardstick: the people’s legitimate benefits</i>	Đánh giá một chính sách, một dịch vụ công trực tuyến bằng câu hỏi: người dân có được lợi, đỡ phiền hà hay không <i>Judge a policy or an online public service by asking: does it benefit people and spare them hassle?</i>
Thống nhất lý luận – thực tiễn <i>Unity of theory and practice</i>	Học kỹ năng số đi kèm dự án thật; chuyển đổi số trong doanh nghiệp bắt đầu từ bài toán cụ thể, không mua phần mềm theo phong trào <i>Learn digital skills through real projects; a firm’s digital transformation starts from a concrete problem, not from buying software because others do</i>
Quan điểm lịch sử – cụ thể <i>Historical-concrete view</i>	Khi gặp câu trích bị cắt ghép trên mạng xã hội, tìm nguyên văn, năm, hoàn cảnh ra đời trước khi chia sẻ <i>When a quotation is clipped on social media, find the full text, year and context before sharing</i>
Quan điểm toàn diện, hệ thống <i>Comprehensive, systemic view</i>	Không lấy một câu về “đoàn kết” để bênh vực việc bao che sai phạm trong tập thể; đoàn kết gắn với phê bình và mục tiêu chung <i>Do not use a line about “unity” to excuse covering up wrongdoing in a group; unity goes with criticism and a shared goal</i>
Chống chủ nghĩa cá nhân, “giặc nội xâm” <i>Fight individualism, the “internal enemy”</i>	Nói không với gian lận thi cử, mua bán điểm, đạo văn trong tiểu luận <i>Say no to exam cheating, buying grades and plagiarism in essays</i>

Bảng tổng hợp câu trích của chương — Summary of the chapter’s quotations

Câu trích (rút gọn) <i>Quotation (short form)</i>	Của ai, ở đâu <i>Who, where</i>	Dùng khi <i>Use when</i>
“một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc...” <i>“a comprehensive and profound system of views...”</i>	Đại hội XI, Văn kiện tr.88 <i>11th Congress, Documents p. 88</i>	Câu hỏi khái niệm <i>Concept questions</i>
“lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng...” <i>“takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation...”</i>	Đại hội VII, Văn kiện tr.127 <i>7th Congress, Documents p. 127</i>	Câu hỏi quá trình nhận thức <i>Questions on the Party’s understanding</i>

Câu trích (rút gọn) <i>Quotation (short form)</i>	Của ai, ở đâu <i>Who, where</i>	Dùng khi <i>Use when</i>
“Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch” <i>“Let the whole Party strive to study President Hồ’s political line, style and morality”</i>	Đại hội II (1951), Văn kiện Đảng Toàn tập t.12, tr.9 <i>2nd Congress (1951), Party Documents vol. 12, p. 9</i>	Mốc sớm nhất trong quá trình nhận thức <i>Earliest milestone</i>
“Lý luận như cái kim chỉ nam...” <i>“Theory is like a compass...”</i>	Hồ Chí Minh, Toàn tập t.5, tr.273-274 <i>Hồ Chí Minh, Complete Works vol. 5, pp. 273-274</i>	Nguyên tắc lý luận – thực tiễn <i>Theory–practice principle</i>
“Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” <i>“Theory must be put into practice. Practice must follow theory”</i>	Hồ Chí Minh, Toàn tập t.5, tr.274-275 <i>Hồ Chí Minh, Complete Works vol. 5, pp. 274-275</i>	Nguyên tắc lý luận – thực tiễn; liên hệ học tập <i>Theory–practice; linking to study</i>
“...xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...” <i>“...build a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam...”</i>	Di chúc, Hồ Chí Minh, Toàn tập t.15, tr.614 <i>Testament, Complete Works vol. 15, p. 614</i>	Ý nghĩa học tập; mục tiêu cách mạng <i>Significance of study; revolutionary goal</i>

1.5. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Clip “học tư tưởng Hồ Chí Minh làm gì” — *Exercise 1. The “why study Hồ Chí Minh Thought” clip*

Một tài khoản TikTok có 300 nghìn người theo dõi đăng clip 45 giây: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là chủ nghĩa Mác – Lênin dịch sang tiếng Việt. Đã học Triết, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học rồi thì học thêm môn này chỉ tốn tín chỉ.” Clip có 12 nghìn lượt chia sẻ, nhiều bạn cùng lớp bình luận đồng tình. Dùng khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh của Đại hội XI và kiến thức về đối tượng môn học để phân tích, rồi soạn một bình luận phản hồi ngắn, có căn cứ.

A TikTok account with 300,000 followers posts a 45-second clip: “Hồ Chí Minh Thought is just Marxism–Leninism translated into Vietnamese. If you have already taken Philosophy, Political Economy and Scientific Socialism, this course only wastes credits.” The clip is shared 12,000 times and many classmates agree in the comments. Use the 11th Congress definition of Hồ Chí Minh Thought and what you know about the subject matter of the course to analyse the claim, then draft a short, well-grounded reply.

1. Xác định chỗ sai: clip đồng nhất “vận dụng và phát triển sáng tạo” với “dịch lại”.

Định nghĩa Đại hội XI ghi rõ chủ nghĩa Mác – Lênin được vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tức có phần mới do thực tiễn một nước thuộc địa nửa phong kiến đặt ra.

Locate the error: the clip equates “creative application and development” with

“translation”. The 11th Congress definition states that Marxism–Leninism was applied and creatively developed in Vietnam’s specific conditions, so there is new content arising from the practice of a colonial, semi-feudal country.

2. Chỉ ra hai nguồn mà clip bỏ sót: giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ nghĩa Mác – Lênin là nguồn quyết định nhưng không phải nguồn duy nhất.

Point to the two sources the clip ignores: the nation’s fine traditional values and the quintessence of human culture. Marxism–Leninism is the decisive source but not the only one.

3. Phân biệt đối tượng: các môn Mác – Lênin nghiên cứu quy luật chung của tự nhiên, xã hội, tư duy và của cách mạng xã hội chủ nghĩa; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nghiên cứu hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam và quá trình hiện thực hóa chúng. Hai đối tượng có giao nhau nhưng không trùng.

Separate the subject matters: the Marxist–Leninist courses study general laws of nature, society, thought and socialist revolution; Hồ Chí Minh Thought studies a system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution and how those views are put into practice. The two overlap but do not coincide.

4. Nêu căn cứ chính trị – pháp lý: từ Đại hội VII (1991), Đảng lấy cả chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; nội dung này có trong Cương lĩnh 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp 1992, 2013. Nếu hai thứ là một thì không cần nêu song song.

Give the political and legal basis: since the 7th Congress (1991) the Party has taken both Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action; this is written into the 1991 Platform (supplemented and developed in 2011) and the 1992 and 2013 Constitutions. If the two were the same, there would be no need to name them side by side.

5. Soạn bình luận: ngắn, dẫn định nghĩa, không công kích cá nhân. Ví dụ: “Đại hội XI định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện Việt Nam, cộng thêm truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển sáng tạo thì khác với dịch lại.”

Draft the reply: brief, citing the definition, no personal attacks. For example: “The 11th Congress defines Hồ Chí Minh Thought as the result of applying and creatively developing Marxism–Leninism in Vietnam’s conditions, plus national traditions and the best of human culture. Creative development is not translation.”

Bài 2. Nhóm khởi nghiệp “một mắt sáng, một mắt mờ” — Exercise 2. A start-up team with “one eye open, one eye blurred”

Năm sinh viên năm ba mở cửa hàng bán đồ handmade trên sàn thương mại điện tử. Minh thuộc lòng sách marketing, mỗi buổi họp trình bày mô hình 4P, phiếu bán hàng nhưng chưa từng tự chạy một chiến dịch. Khoa bán hàng ngoài chợ đêm ba năm, gặt mọi số liệu: “Cứ làm như anh từng làm là ra đơn.” Sau ba tháng, chi 8 triệu đồng quảng cáo, cửa hàng có 41 đơn, lỗ. Phân tích bằng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong phương pháp luận Hồ Chí Minh và đề xuất cách làm.

Five third-year students open a handmade-goods shop on an e-commerce platform. Minh knows marketing books by heart and presents the 4P model and sales funnels at every meeting, but has never run a campaign. Khoa has sold at a night market for three years and waves away all data: “Do it the way I did and orders will come.” After three months and 8 million dong spent on ads the shop has 41 orders and a loss. Analyse the case using the principle of unity of theory and practice in Hồ Chí Minh’s methodology and propose a way forward.

1. Nhận diện “bệnh” của Minh: có lý luận mà không đem ra thực hành. Hồ Chí Minh gọi đó là “lý luận suông”; đọc nhiều mà không làm thì “khác nào một cái hòm đựng sách” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274-275).

Diagnose Minh’s “illness”: theory without practice. Hồ Chí Minh called it “empty theorising”; reading a great deal without acting is “no different from a box for storing books” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 274-275).

2. Nhận diện “bệnh” của Khoa: có kinh nghiệm mà khinh lý luận. Hồ Chí Minh ví người như vậy “cũng như một mắt sáng, một mắt mờ” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274). Kinh nghiệm chợ đêm không tự áp được cho môi trường sàn số có thuật toán, đối thủ và chi phí khác.

Diagnose Khoa’s: experience that scorns theory. Hồ Chí Minh likened such a person to someone with “one eye open, one eye blurred” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, p. 274). Night-market experience does not carry over by itself to a platform with its own algorithms, rivals and costs.

3. Chỉ ra hệ quả: hai bệnh cộng lại thành quyết định theo cảm tính, đúng với cảnh báo của Hồ Chí Minh về người kém lý luận: không xem xét rõ, không cân nhắc đúng, “Kết quả thường thất bại” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274).

Show the consequence: the two illnesses together produce gut-feeling decisions, matching Hồ Chí Minh’s warning about those weak in theory: they fail to examine and weigh things properly, and “the result is usually failure” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, p. 274).

4. Áp dụng nguyên tắc: lý luận dẫn đường (“Thực hành phải nhằm theo lý luận”), thực tiễn kiểm nghiệm và bổ sung (“Lý luận phải đem ra thực hành”). Cụ thể: dùng mô hình phễu để đặt chỉ số đo, chạy thử ba mẫu quảng cáo nhỏ, đọc số liệu sau 7 ngày, giữ mẫu hiệu quả, bỏ mẫu kém.

Apply the principle: theory guides (“practice must follow theory”), practice tests and enriches (“theory must be put into practice”). Concretely: use the funnel model to set metrics, run three small ad variants, read the data after 7 days, keep what works and drop what does not.

5. Phân công lại theo quan điểm toàn diện: Minh phụ trách đo lường và giả thuyết, Khoa phụ trách sản phẩm và chăm sóc khách; họp tuần lấy số liệu làm căn cứ, rút kinh nghiệm thành quy trình viết ra giấy (biến kinh nghiệm thành lý luận của chính nhóm).

Reassign roles with a comprehensive view: Minh handles metrics and hypotheses, Khoa handles product and customer care; weekly meetings rely on data, and lessons are written down as procedures (turning experience into the team’s own theory).

1.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại hội XI của Đảng (2011) nêu ra. Phân tích các thành tố của khái niệm đó.

Question 1. State the concept of Hồ Chí Minh Thought put forward by the Party's 11th Congress (2011). Analyse its components.

- Chép đúng định nghĩa, ghi nguồn: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr.88.
Quote the definition exactly with its source: Documents of the 11th National Congress, p. 88.
- Về bản chất và nội dung: hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (mục tiêu, con đường, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cách mạng, con người, quan hệ quốc tế, phương pháp).
Nature and content: a comprehensive and profound system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution (goal, path, leading force, revolutionary forces, people, international relations, method).
- Về nguồn gốc: chủ nghĩa Mác – Lênin (giá trị cơ bản nhất, được vận dụng và phát triển sáng tạo); giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại.
Sources: Marxism–Leninism (the most basic value, applied and creatively developed); the nation's fine traditions; the quintessence of human culture.
- Về giá trị: tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc, mãi mãi soi đường; cùng chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.
Value: an immense and precious spiritual asset of the Party and the nation that lights the way forever; together with Marxism–Leninism it forms the ideological foundation and guide for action.
- So sánh với Đại hội VII và IX để thấy định nghĩa XI là bước hoàn chỉnh (thêm về giá trị).
Compare with the 7th and 9th Congresses to show that the 11th Congress wording completes the definition (it adds the value clause).
- Ý nghĩa đối với người học: hiểu đúng để không đồng nhất tư tưởng Hồ Chí Minh với bản sao chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng không tách rời hai bộ phận.
Meaning for learners: understand it correctly so as neither to equate Hồ Chí Minh Thought with a copy of Marxism–Leninism nor to separate the two.

Câu 2. Qua các kỳ Đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào? Nêu nhận xét của anh/chị về quá trình đó.

Question 2. Describe how the Communist Party of Vietnam's understanding of Hồ Chí Minh Thought evolved across its Congresses. Give your own assessment of that process.

- Từ khi thành lập (1930): Cương lĩnh chính trị đầu tiên thể hiện nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; giai đoạn sau bị hiểu chưa đúng do ảnh hưởng tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928).
From the founding (1930): the first Political Platform carries the basic content of his

thought; later it was misunderstood under the leftist influence of the Comintern's 6th Congress (1928).

- Đại hội II (2-1951): kêu gọi học tập đường lối chính trị, tác phong, đạo đức Hồ Chủ tịch; Điều trần 1969 và Đại hội IV (12-1976) tôn vinh người anh hùng dân tộc vĩ đại; Đại hội V (3-1982) yêu cầu học tập có hệ thống.
2nd Congress (Feb 1951): calls for studying President Hồ's political line, style and morality; the 1969 eulogy and the 4th Congress (Dec 1976) honour the great national hero; the 5th Congress (Mar 1982) requires systematic study.
- Đại hội VI (12-1986) nêu kế thừa di sản tư tưởng, lý luận của Người; Đại hội VII (1991) lần đầu lấy tư tưởng Hồ Chí Minh cùng chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.
6th Congress (Dec 1986) speaks of inheriting his theoretical legacy; 7th Congress (1991) for the first time takes his thought, together with Marxism–Leninism, as the ideological foundation and guide for action.
- Đại hội IX (4-2001) nêu định nghĩa tương đối đầy đủ; Đại hội X (4-2006) nhấn mạnh tài sản tinh thần vô giá; Đại hội XI (2011) hoàn chỉnh định nghĩa; Đại hội XII (2016), XIII (2021) yêu cầu kiên định và vận dụng sáng tạo.
9th Congress (Apr 2001) gives a fairly full definition; 10th (Apr 2006) stresses a priceless spiritual asset; 11th (2011) completes the definition; 12th (2016) and 13th (2021) demand steadfastness and creative application.
- Mốc quốc tế: Nghị quyết 24C/18.6.5 của UNESCO (Khóa họp 24, Paris, 20-10 đến 20-11-1987) về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh (1990) của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
International milestone: UNESCO Resolution 24C/18.6.5 (24th session, Paris, 20 Oct – 20 Nov 1987) on the centenary of President Hồ Chí Minh's birth (1990).
- Nhận xét: nhận thức đi từ tôn vinh cá nhân, đạo đức, tác phong đến khẳng định một hệ thống lý luận; mỗi bước gắn với thực tiễn cách mạng, nhất là thực tiễn Đổi Mới.
Assessment: understanding moved from honouring the person, his morality and style to affirming a theoretical system; each step followed revolutionary practice, especially Đổi Mới.

Câu 3. Trình bày cơ sở phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn và liên hệ việc học tập của sinh viên.

Question 3. Present the methodological basis for studying Hồ Chí Minh Thought. Analyse the principle of unity of theory and practice and relate it to students' learning.

- Cơ sở: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; năm nguyên tắc: tính đảng – tính khoa học; lý luận – thực tiễn; lịch sử – cụ thể; toàn diện – hệ thống; kế thừa – phát triển.
Basis: dialectical and historical materialism; five principles: Party spirit and scientific spirit; theory and practice; historical-concrete view; comprehensive and systemic view; inheritance and development.
- Quan niệm của Hồ Chí Minh về lý luận: tổng kết thực tế thành kết luận rồi đem chứng minh lại với thực tế; “Lý luận như cái kim chỉ nam” (Toàn tập, t.5, tr.273-274).

His idea of theory: practice summed up into conclusions, then tested against practice again; “Theory is like a compass” (Complete Works, vol. 5, pp. 273-274).

- Hai bệnh cần tránh: khinh lý luận (“một mắt sáng, một mắt mờ”) và lý luận suông (“cái hòm đựng sách”).

Two illnesses to avoid: scorning theory (“one eye open, one eye blurred”) and empty theorising (“a box for storing books”).

- Quan hệ biện chứng: “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” (Toàn tập, t.5, tr.274-275); không tuyệt đối hóa mặt nào.

Dialectical relation: “Theory must be put into practice. Practice must follow theory” (Complete Works, vol. 5, pp. 274-275); neither side is absolutised.

- Liên hệ sinh viên: học đi đôi với hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, dự án cộng đồng; dùng lý luận để phân tích hiện tượng trên mạng xã hội thay vì phản ứng cảm tính.

Students: link study with practice through internships, research and community projects; use theory to analyse social-media phenomena instead of reacting on impulse.

1.7. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh có vẻ “là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường...” được nêu tại Đại hội nào?

At which Congress was the concept of Hồ Chí Minh Thought stated with the clause “an immense and precious spiritual asset of our Party and nation, lighting the way forever...”?

- A. Đại hội VII (1991) / 7th Congress (1991)
- B. Đại hội IX (2001) / 9th Congress (2001)
- C. Đại hội X (2006) / 10th Congress (2006)
- D. Đại hội XI (2011) / 11th Congress (2011)

2. Đại hội nào lần đầu khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động?

Which Congress first stated that the Party takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action?

- A. Đại hội VI (12-1986) / 6th Congress (Dec 1986)
- B. Đại hội VII (1991) / 7th Congress (1991)
- C. Đại hội II (2-1951) / 2nd Congress (Feb 1951)
- D. Đại hội IX (4-2001) / 9th Congress (Apr 2001)

3. Theo giáo trình, giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là:
According to the textbook, the most basic value in the formation and development of Hồ Chí Minh Thought is:
- A. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc / *The nation's fine traditional values*
 - B. Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây / *The quintessence of Eastern and Western culture*
 - C. Chủ nghĩa Mác – Lênin / *Marxism–Leninism*
 - D. Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh / *Hồ Chí Minh's personal qualities*
4. UNESCO ra Nghị quyết 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại:
UNESCO adopted Resolution 24C/18.6.5 on the centenary of President Hồ Chí Minh's birth at:
- A. Khóa họp 24 Đại Hội đồng, Pari, 1987 / *The 24th General Conference, Paris, 1987*
 - B. Khóa họp 18 Đại Hội đồng, Pari, 1987 / *The 18th General Conference, Paris, 1987*
 - C. Khóa họp 24 Đại Hội đồng, Pari, 1990 / *The 24th General Conference, Paris, 1990*
 - D. Khóa họp 25 Đại Hội đồng, Hà Nội, 1990 / *The 25th General Conference, Hanoi, 1990*
5. Hồ Chí Minh ví người “có kinh nghiệm mà không có lý luận” giống như:
Hồ Chí Minh likened a person “with experience but without theory” to:
- A. Nhắm mắt mà đi / *Walking with one's eyes shut*
 - B. Một mắt sáng, một mắt mờ / *One eye open, one eye blurred*
 - C. Một cái hòm đựng sách / *A box for storing books*
 - D. Có tên mà không bắn / *Having an arrow but not shooting*
6. Theo quan điểm toàn diện và hệ thống, hạt nhân cốt lõi của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là:
Under the comprehensive and systemic view, the core of the system of Hồ Chí Minh Thought is:
- A. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc / *The idea of great national unity*
 - B. Tư tưởng về đạo đức cách mạng / *The idea of revolutionary morality*
 - C. Tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội / *Independence, freedom, democracy and socialism*
 - D. Tư tưởng về xây dựng Đảng / *The idea of Party building*

7. Nội dung nào là một PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ, không phải nguyên tắc phương pháp luận, khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh?

Which item is a SPECIFIC METHOD rather than a methodological principle in studying Hồ Chí Minh Thought?

- A. Phân tích văn bản kết hợp nghiên cứu hoạt động thực tiễn / *Text analysis combined with study of practice*
- B. Thống nhất tính đảng và tính khoa học / *Unity of Party spirit and scientific spirit*
- C. Quan điểm lịch sử – cụ thể / *The historical-concrete view*
- D. Quan điểm kế thừa và phát triển / *The view of inheritance and development*

Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 2. Foundations, formation and development of Hồ Chí Minh Thought

2.1. Cơ sở thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh — The practical foundations of Hồ Chí Minh Thought

Việt Nam cuối thế kỷ XIX: mất nước, các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại — Vietnam in the late 19th century: loss of the country, uprisings failing one after another

Năm 1858 Pháp nổ súng xâm lược. Triều Nguyễn ký liên tiếp các hiệp ước đầu hàng, từng bước làm tay sai cho thực dân. Nhân dân không chịu khuất phục: từ 1858 tới cuối thế kỷ XIX, khởi nghĩa nổ ra ở cả ba miền, một phần đi dưới ngọn cờ Cần Vương (giúp vua cứu nước).

France opened fire in 1858. The Nguyễn court signed one surrender treaty after another and gradually became the colonialists' tool. The people refused to submit: from 1858 to the end of the 19th century uprisings broke out in all three regions, some under the Cần Vương banner (aid the king, save the country).

Lãnh đạo tiêu biểu: ở Nam Kỳ có Trương Định, Nguyễn Trung Trực; ở Trung Kỳ có Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Đình Phùng; ở Bắc Kỳ có Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng cùng Phạm Bành. Tất cả đều thất bại.

Leading figures: in the South Trương Định and Nguyễn Trung Trực; in the Centre Trần Tấn, Đặng Như Mai and Phan Đình Phùng; in the North Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng and Phạm Bành. All were defeated.

- Kết luận rút từ các cuộc khởi nghĩa: nhân dân giàu lòng yêu nước, nhưng giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng của nó đã suy tàn, không còn đủ sức giữ độc lập.

The lesson of these uprisings: the people's patriotism was immense, but the feudal class and its ideology had decayed and could no longer defend independence.

Khai thác thuộc địa làm biến đổi cơ cấu xã hội — Colonial exploitation changes the social structure

Bình định xong về quân sự, Pháp chuyển sang khai thác thuộc địa quy mô lớn. Nền nông nghiệp lạc hậu được giữ lại, khoảng 95% dân số vẫn là nông dân. Hồ Chí Minh gọi tính chất xã hội lúc đó là “thuộc địa và phong kiến” (Thường thức chính trị; Toàn tập, t.8, tr.254 và tr.260).

Once military “pacification” was complete, France moved to exploit the colony on a large scale. Backward agriculture was kept and about 95% of the population remained peasants. Hồ Chí Minh called the society of that time “colonial and feudal” (Political Common Knowledge; Complete Works, vol. 8, pp. 254 and 260).

Địa chủ được củng cố thêm bằng điền chủ người Pháp và người nước ngoài; thợ thủ công, tiểu thương vẫn còn. Ba lực lượng mới xuất hiện: **giai cấp công nhân, giai cấp tư sản** (non yếu) và **tầng lớp tiểu tư sản thành thị**.

Landlords were reinforced by French and other foreign estate owners; artisans and small traders remained. Three new forces appeared: the working class, the bourgeoisie (weak) and the urban petty bourgeoisie.

Loại mâu thuẫn <i>Type of contradiction</i>	Giữa ai với ai <i>Between whom</i>
Mâu thuẫn cơ bản của xã hội phong kiến (vẫn còn) <i>The basic contradiction of feudal society (still present)</i>	Nông dân – địa chủ phong kiến <i>Peasants – feudal landlords</i>
Mâu thuẫn mới thứ nhất <i>First new contradiction</i>	Giai cấp công nhân Việt Nam – giai cấp tư sản <i>The Vietnamese working class – the bourgeoisie</i>
Mâu thuẫn mới thứ hai, bao trùm <i>Second new contradiction, overarching</i>	Toàn thể nhân dân Việt Nam – chủ nghĩa đế quốc Pháp <i>The whole Vietnamese people – French imperialism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thuật ngữ của Hồ Chí Minh cho xã hội Việt Nam dưới ách Pháp: **“thuộc địa và phong kiến”** (Thường thức chính trị; Toàn tập, t.8, tr.254 và tr.260). Ba mâu thuẫn: nông dân – địa chủ; công nhân – tư sản; **toàn dân tộc – đế quốc Pháp**.
Hồ Chí Minh’s term for Vietnamese society under French rule: “colonial and feudal” (Political Common Knowledge; Complete Works, vol. 8, pp. 254 and 260). Three contradictions: peasants – landlords; workers – bourgeoisie; the whole nation – French imperialism.

Đầu thế kỷ XX: các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản — *Early 20th century: bourgeois-democratic movements*

Làn sóng cải cách, cuộc cách mạng tư sản ở Trung Quốc và tấm gương Duy Tân Nhật Bản dội vào Việt Nam. Các sĩ phu có tư tưởng cải cách đứng ra dẫn dắt một loạt phong trào mới.

Reform campaigns, China’s bourgeois-democratic revolution and the example of Japan’s Meiji Restoration reached Vietnam. Reform-minded scholar-gentry led a series of new movements.

Phong trào <i>Movement</i>	Người khởi xướng <i>Initiator</i>	Thời gian <i>Period</i>	Cách làm chính <i>Main approach</i>
Đông Du <i>Đông Du (Go East)</i>	Phan Bội Châu <i>Phan Bội Châu</i>	1905 – 1909 <i>1905 – 1909</i>	Đưa thanh niên sang Nhật Bản học, trông vào sự giúp đỡ từ bên ngoài <i>Sending young people to study in Japan, relying on outside help</i>
Duy Tân <i>Duy Tân (Modernisation)</i>	Phan Châu Trinh <i>Phan Châu Trinh</i>	1906 – 1908 <i>1906 – 1908</i>	Cải cách, mở mang dân trí, chấn hưng kinh tế <i>Reform, raising popular knowledge, reviving the economy</i>
Đông Kinh Nghĩa Thục <i>Đông Kinh Free School</i>	Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ <i>Lương Văn Can, Nguyễn Quyền and other notables</i>	3-1907 – 11-1907 <i>Mar 1907 – Nov 1907</i>	Mở trường, truyền bá tư tưởng mới <i>Opening a school, spreading new ideas</i>
Chống đi phu, chống sưu thuế <i>Against corvée and taxes</i>	Nông dân Trung Kỳ <i>Peasants of the Centre</i>	1908 <i>1908</i>	Biểu tình đòi giảm sưu thuế <i>Protests demanding lower taxes</i>

Loại nguyên nhân thất bại <i>Kind of cause</i>	Nội dung <i>Content</i>
Sâu xa <i>Underlying</i>	Giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu <i>The Vietnamese bourgeoisie was still weak</i>
Trực tiếp <i>Direct</i>	Tổ chức và người lãnh đạo chưa có đường lối, phương pháp cách mạng đúng <i>The organisations and leaders lacked a correct revolutionary line and method</i>
Hệ quả <i>Consequence</i>	Khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Câu hỏi đặt ra: cứu nước bằng con đường nào để thắng lợi? <i>A deep crisis over the path to salvation. The question: which path leads to victory?</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đảo hai loại nguyên nhân. **Sâu xa** = tư sản non yếu (gốc giai cấp). **Trực tiếp** = thiếu đường lối, phương pháp đúng (gốc lãnh đạo). Lỗi thứ hai: ghép Đông Du cho Phan Châu Trinh — Đông Du là của **Phan Bội Châu**, Duy Tân là của **Phan Châu Trinh**.

Swapping the two causes. Underlying = a weak bourgeoisie (class root). Direct = no correct line or

method (leadership root). Second mistake: giving Đông Du to Phan Châu Trinh — Đông Du belongs to Phan Bội Châu, Duy Tân to Phan Châu Trinh.

Giai cấp công nhân Việt Nam: dấu hiệu của thời đại mới — *The Vietnamese working class: the sign of a new era*

Cuối thế kỷ XIX công nhân còn ít, chưa ổn định. Đầu thế kỷ XX lực lượng này lớn lên và thành một giai cấp ngay trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Họ chịu ba tầng áp bức: thực dân, tư bản, phong kiến. Hình thức đấu tranh đi từ đốt lán trại, bỏ trốn tập thể lên đình công, bãi công.

In the late 19th century workers were few and unsettled. In the early 20th century they grew and became a class just before the First World War. They bore three layers of oppression: colonial, capitalist and feudal. Their struggle moved from burning work camps and mass desertion to strikes.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.407).

“Only the working class is the bravest and most revolutionary, always boldly confronting the imperialists and colonialists” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 407).

Phong trào công nhân và phong trào yêu nước mở đường cho chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam; Hồ Chí Minh đưa học thuyết đó vào cả hai phong trào và lập Đảng. Thực tiễn cách mạng sau 1945 tiếp tục bổ sung tư tưởng của Người.

The workers’ and patriotic movements opened the way for Marxism–Leninism; Hồ Chí Minh carried it into both and founded the Party. Revolutionary practice after 1945 kept enriching his thought.

Thế giới cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX — *The world in the late 19th – early 20th century*

Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Một nhóm cường quốc (Anh, Pháp, Đức, Nga, Mỹ, Nhật Bản, Ý, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...) chi phối thế giới; phần lớn châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh thành thuộc địa hoặc phụ thuộc.

Capitalism passed from free competition to its imperialist stage. A group of powers (Britain, France, the US, Spain, Italy, Germany, Russia, Japan, Belgium, Portugal, the Netherlands...) dominated the world; most of Asia, Africa and Latin America became colonies or dependencies.

Mâu thuẫn của thời đại <i>Contradiction of the era</i>	Hệ quả <i>Consequence</i>
Tư sản – vô sản ở các nước tư bản <i>Bourgeoisie – proletariat in capitalist countries</i>	Phong trào công nhân ở chính quốc lớn mạnh <i>The workers' movement in the metropolises grows</i>
Giữa các nước đế quốc với nhau <i>Among the imperialist powers</i>	Tranh giành thuộc địa, dẫn tới chiến tranh thế giới <i>Rivalry for colonies, leading to world war</i>
Dân tộc thuộc địa, phụ thuộc – chủ nghĩa đế quốc <i>Colonial and dependent peoples – imperialism</i>	Giành độc lập trở thành đòi hỏi chung của dân thuộc địa và của vô sản quốc tế; phong trào giải phóng dân tộc dâng cao <i>Independence becomes a common demand of colonial peoples and the international proletariat; national liberation movements rise</i>

Mốc <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với Hồ Chí Minh <i>Meaning for Hồ Chí Minh</i>
1917 <i>1917</i>	Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, lập xã hội xã hội chủ nghĩa ở một nước rộng một phần sáu thế giới <i>The Russian October Revolution wins, setting up a socialist society in a country covering one-sixth of the world</i>	Mở thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức <i>Opens the era of transition from capitalism to socialism and a path of liberation for oppressed peoples</i>
2-3-1919 <i>2 Mar 1919</i>	Quốc tế Cộng sản ra đời ở Mátxcova <i>The Communist International is founded in Moscow</i>	Bộ tham mưu của cách mạng thế giới; truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, thúc đẩy lập các đảng cộng sản <i>The general staff of world revolution; spreads Marxism–Leninism and spurs the founding of communist parties</i>
Sau 1917 <i>After 1917</i>	Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; phong trào cộng sản, công nhân, giải phóng dân tộc phát triển <i>Socialist construction in the USSR; communist, workers' and liberation movements grow</i>	Tác động sâu sắc tới hành trình tìm mục tiêu và con đường cứu nước <i>Shapes his search for the goal and path of national salvation</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai mốc thế giới phải nhớ: **Cách mạng Tháng Mười Nga 1917** (mở thời đại mới) và **Quốc tế Cộng sản ra đời 2-3-1919 ở Mátxcova**.
Two world dates to remember: the Russian October Revolution of 1917 (a new era) and the Communist International founded on 2 March 1919 in Moscow.

2.2. Cơ sở lý luận: truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin — *Theoretical foundations: national tradition, the best of world culture, Marxism–Leninism*

Nguồn <i>Source</i>	Hồ Chí Minh lấy gì <i>What he took</i>	Vai trò <i>Role</i>
Giá trị truyền thống dân tộc <i>National traditional values</i>	Chủ nghĩa yêu nước; đoàn kết, nhân ái, khoan dung; cần cù, lạc quan; tự hào văn hóa <i>Patriotism; solidarity, humanity, tolerance; diligence, optimism; pride in culture</i>	Nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát , động lực <i>Ideological base, starting point, driving force</i>
Tinh hoa văn hóa nhân loại <i>The best of world culture</i>	Nho, Phật, Lão, Tam dân (phương Đông); Tự do – Bình đẳng – Bác ái, nhân quyền, khai sáng (phương Tây) <i>Confucianism, Buddhism, Taoism, the Three Principles (East); Liberty – Equality – Fraternity, human rights, the Enlightenment (West)</i>	Làm giàu vốn hiểu biết, bổ sung giá trị nhân văn <i>Enriches knowledge and humane values</i>
Chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Marxism–Leninism</i>	Thế giới quan, phương pháp luận; lý luận về cách mạng vô sản, đảng cộng sản <i>Worldview, methodology; theory of proletarian revolution and the communist party</i>	Quyết định bước phát triển về chất <i>Decisive for the qualitative leap</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba nguồn lý luận: “**Dân – Nhân – Mác**” (dân tộc, nhân loại, Mác – Lênin). Đọc theo thứ tự này cũng là thứ tự vai trò tăng dần: điểm xuất phát → làm giàu → quyết định.

*Remember the three sources as “**Nation – Humanity – Marx**”. Read in this order they also rise in role: starting point → enrichment → decisive.*

a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc — *a) The fine traditional values of the nation*

Chủ nghĩa yêu nước chạy suốt các truyền thống của dân tộc Việt Nam; đó là sức mạnh giúp dân tộc tồn tại qua dựng nước và giữ nước. Với Hồ Chí Minh, yêu nước là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực đưa Người ra đi; cũng từ lòng yêu nước, Người tìm tới chủ nghĩa Mác – Lênin như con đường cứu nước, cứu dân.

Patriotism runs through all of Vietnam’s traditions; it is the strength that carried the nation through building and defending the country. For Hồ Chí Minh, patriotism was the ideological base, the starting point and the force that sent him abroad; from patriotism he reached Marxism–Leninism as the path to save the country and the people.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tuyên ngôn Độc lập: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.3).

Declaration of Independence: “Vietnam has the right to enjoy freedom and independence and has in fact become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote

all their spirit and strength, their lives and property to safeguard their freedom and independence” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 3).

Giá trị truyền thống <i>Traditional value</i>	Thành gì trong tư tưởng Hồ Chí Minh <i>What it became in his thought</i>
Yêu nước, đấu tranh bất khuất vì độc lập <i>Patriotism, indomitable struggle for independence</i>	Chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ <i>The truth “Nothing is more precious than independence and freedom”; defending sovereignty and territory</i>
Yêu nước gắn với yêu dân <i>Love of country tied to love of the people</i>	Dân là gốc của nước; xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân; con người là vốn quý nhất <i>The people are the root of the country; build the house of victory on the people; people are the most precious capital</i>
Đoàn kết, dân chủ trong cộng đồng <i>Solidarity and democracy in the community</i>	Đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế — nguyên tắc chiến lược <i>Great national unity linked with international solidarity — a strategic principle</i>
Nhân ái, khoan dung; hòa hiếu với lân bang <i>Humanity, tolerance; friendship with neighbours</i>	Chính sách đoàn kết rộng rãi, đối ngoại hòa bình, hữu nghị <i>Broad unity, a foreign policy of peace and friendship</i>
Cần cù, dũng cảm, sáng tạo, lạc quan <i>Diligence, courage, creativity, optimism</i>	Phẩm chất con người mới, đạo đức cách mạng <i>Qualities of the new person, revolutionary morality</i>
Tự hào lịch sử, trân trọng văn hóa, ngôn ngữ <i>Pride in history, respect for culture and language</i>	Văn hóa là mục tiêu, động lực của cách mạng; giữ cốt cách dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại <i>Culture is a goal and a driving force of the revolution; keep the national character, absorb the best of the world</i>

b) Tinh hoa văn hóa phương Đông — b) *The best of Eastern culture*

Tư tưởng phương Đông kết tinh ở ba học thuyết lớn có ảnh hưởng sâu ở Việt Nam: Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo. Hồ Chí Minh không theo trọn một học thuyết; Người tách phần tích cực, đổi mới nó cho hợp nhiệm vụ cách mạng.

Eastern thought crystallised in three major teachings with deep influence in Vietnam: Confucianism, Buddhism and Taoism. Hồ Chí Minh followed none of them wholesale; he separated out the positive parts and renewed them to fit revolutionary tasks.

Học thuyết <i>Teaching</i>	Hồ Chí Minh kế thừa, đổi mới <i>What he inherited and renewed</i>	Biểu hiện cụ thể <i>Concrete expression</i>
Nho giáo <i>Confucianism</i>	Nhân trị, đức trị trong quản lý xã hội; xã hội lý tưởng coi trọng công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm; thế giới đại đồng; tinh thần trọng đạo đức <i>Rule by benevolence and virtue; an ideal society valuing justice, fraternity, humanity, righteousness, wisdom, courage, trust, integrity; great harmony; respect for ethics</i>	Tu dưỡng đạo đức cá nhân; xây dựng Đảng về đạo đức <i>Personal moral cultivation; building the Party in ethics</i>
Phật giáo <i>Buddhism</i>	Từ bi, vị tha, thương người; làm thiện, chống ác; đề cao bình đẳng; sống hòa đồng, gắn bó với đất nước <i>Compassion, altruism, love for people; doing good, opposing evil; equality; living in harmony and attachment to the country</i>	Đoàn kết đồng bào theo đạo Phật; thư gửi Hội Phật tử năm 1947 <i>Uniting Buddhist compatriots; the 1947 letter to the Buddhist Association</i>
Lão giáo <i>Taoism</i>	Sống gần bó, hòa đồng với thiên nhiên, bảo vệ môi trường; thoát vòng danh lợi; hành động theo đạo lý, hợp quy luật tự nhiên, xã hội <i>Living close to and in harmony with nature, protecting the environment; breaking free of fame and gain; acting in line with natural and social laws</i>	Phát động “Tết trồng cây”; khuyên cán bộ ít ham vật chất, giữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư <i>Launching the “Tree-planting Festival”; urging cadres to want little and keep diligence, thrift, integrity, uprightness, impartiality and selflessness</i>
Các nhà tư tưởng khác <i>Other thinkers</i>	Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử; chủ nghĩa Găngđi (Ấn Độ); chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn <i>Mozi, Han Feizi, Guanzi; Gandhism (India); Sun Yat-sen’s Three Principles of the People</i>	Tam dân phát triển thành Độc lập – Tự do – Hạnh phúc <i>The Three Principles developed into Independence – Freedom – Happiness</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Về Nho giáo: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, tr.356-357).

On Confucianism: “Although Confucius was feudal and his doctrine contains many wrong things, we should learn the good things in it” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 6, pp. 356-357).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thư gửi Hội Phật tử (1947): “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.228).

Letter to the Buddhist Association (1947): “The Buddha is all-merciful and all-compassionate, relieving suffering; to save living beings from suffering, he had to sacrifice and fight, destroying the demons” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 5, p. 228).

Chủ nghĩa Tam dân (Tôn Trung Sơn) <i>Three Principles (Sun Yat-sen)</i>	Hồ Chí Minh phát triển thành <i>Hồ Chí Minh developed it into</i>	Khác biệt <i>Difference</i>
Dân tộc <i>Nationalism</i>	Độc lập <i>Independence</i>	Tôn Trung Sơn: trong khuôn khổ cách mạng dân chủ tư sản. Hồ Chí Minh: theo con đường cách mạng vô sản <i>Sun Yat-sen: within the bourgeois-democratic revolution. Hồ Chí Minh: on the proletarian path</i>
Dân quyền <i>Democracy</i>	Tự do <i>Freedom</i>	Cùng một hướng phát triển như trên <i>Same line of development</i>
Dân sinh <i>People's livelihood</i>	Hạnh phúc <i>Happiness</i>	Cùng một hướng phát triển như trên <i>Same line of development</i>

Tinh hoa văn hóa phương Tây — *The best of Western culture*

Năm 1905, khi học Trường tiểu học Pháp – bản xứ ở Vinh, Hồ Chí Minh đã chú ý tới khẩu hiệu Tự do – Bình đẳng – Bác ái của Đại Cách mạng Pháp năm 1789. Sang phương Tây, Người tìm hiểu khẩu hiệu ấy trong các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và đọc trực tiếp bằng ngôn ngữ của các nước đó.

In 1905, at the Franco-native primary school in Vinh, Hồ Chí Minh already noticed the slogan Liberty – Equality – Fraternity of the French Revolution of 1789. In the West he studied that slogan in the bourgeois revolutions of Britain, France and America, reading in those countries' own languages.

Nguồn phương Tây <i>Western source</i>	Hồ Chí Minh tiếp thu <i>What he absorbed</i>
Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 <i>The US Declaration of Independence, 1776</i>	Quyền con người; nâng lên thành quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc <i>Human rights; raised into the right of nations to pursue independence, freedom and happiness</i>
Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp <i>The French Declaration of the Rights of Man and of the Citizen</i>	Quan điểm nhân quyền, dân quyền <i>Ideas of human and civil rights</i>
Các nhà khai sáng: Vonte, Rutxô, Môngtétxkiơ <i>Enlightenment thinkers: Voltaire, Rousseau, Montesquieu</i>	Tư tưởng nhân văn, dân chủ, nhà nước pháp quyền <i>Humanist and democratic ideas, the rule-of-law state</i>
Văn học: Shakespeare (tiếng Anh), Hugo, Zola (tiếng Pháp); Lỗ Tấn (tiếng Trung) <i>Literature: Shakespeare (English), Hugo, Zola (French); Lu Xun (Chinese)</i>	Vốn văn hóa, ngôn ngữ; Anatole France và Lép Tônxtôi “có thể nói là những người đỡ đầu văn học” của Người (Trần Dân Tiên, tr.48) <i>Cultural and linguistic capital; Anatole France and Leo Tolstoy were, one may say, his “literary godfathers” (Trần Dân Tiên, p. 48)</i>

Hồ Chí Minh đánh giá chỗ mạnh của từng học thuyết lớn (theo Trương Niệm Thức: Hồ Chí Minh truyện, 1949) và kết luận Người “cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy”, vì tất cả đều muốn “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”.

Hồ Chí Minh assessed the strength of each great teaching (per Trương Niệm Thức’s Biography of Hồ Chí Minh, 1949) and concluded that he “tries to be a little pupil of those masters”, since all of them wanted “to seek happiness for humankind and welfare for society”.

Học thuyết <i>Teaching</i>	Ưu điểm theo Hồ Chí Minh <i>Strength in Hồ Chí Minh’s words</i>
Khổng Tử <i>Confucius</i>	“sự tu dưỡng đạo đức cá nhân” <i>“personal moral cultivation”</i>
Tôn giáo Giêxu <i>Christianity (Jesus)</i>	“lòng nhân ái cao cả” <i>“lofty love for humanity”</i>
Chủ nghĩa Mác <i>Marxism</i>	“phương pháp làm việc biện chứng” <i>“the dialectical working method”</i>
Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên <i>Sun Yat-sen’s doctrine</i>	“chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta” <i>“its policy suits our country’s conditions”</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bốn ưu điểm bằng cặp “**Khổng – Đức, Giêxu – Nhân, Mác – Biện, Tôn – Hợp**”: Khổng Tử tu dưỡng đạo đức; Giêxu nhân ái; Mác biện chứng; Tôn Dật Tiên hợp điều kiện nước ta.

Remember the four strengths as “Confucius – ethics, Jesus – love, Marx – dialectics, Sun – fit”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi: (1) gán “lòng nhân ái cao cả” cho Phật giáo — trong câu này là **tôn giáo Giêsu**; (2) gán “phương pháp làm việc biện chứng” cho Khổng Tử; (3) ghi khẩu hiệu Tự do – Bình đẳng – Bác ái là của Cách mạng Mỹ 1776 — khẩu hiệu thuộc **Đại Cách mạng Pháp 1789**, còn 1776 là **Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ**.

*Three mistakes: (1) giving “lofty love for humanity” to Buddhism — in this passage it is **Christianity**; (2) giving “the dialectical working method” to Confucius; (3) attributing Liberty – Equality – Fraternity to the American Revolution of 1776 — the slogan belongs to the **French Revolution of 1789**; 1776 is the **US Declaration of Independence**.*

c) Chủ nghĩa Mác – Lênin: nguồn gốc lý luận quyết định — c) Marxism–Leninism: the decisive theoretical source

Cách mạng Tháng Mười, thời đại mới và chủ nghĩa Mác – Lênin đưa tư tưởng Hồ Chí Minh lên một bước mới về chất, đặt Người lên trước những nhà yêu nước cùng thời. Với Người, chủ nghĩa Mác – Lênin là thế giới quan và phương pháp luận. Đứng trên lập trường đó, Người lọc và phát triển truyền thống dân tộc, tinh hoa nhân loại, gắn với thực tiễn trong nước và thế giới, tạo thành hệ thống quan điểm toàn diện về cách mạng Việt Nam.

The October Revolution, the new era and Marxism–Leninism lifted Hồ Chí Minh’s thought to a qualitatively new level and placed him ahead of contemporary patriots. For him Marxism–Leninism was worldview and methodology. From that standpoint he filtered and developed national tradition and world culture, tied them to domestic and world practice, and produced a comprehensive system of views on the Vietnamese revolution.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, tr.289) — nói từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX.

“There are many doctrines and many isms now, but the most genuine, the most certain, the most revolutionary is Leninism” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 2, p. 289) — said in the late 1920s.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tổng kết thắng lợi: “chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.589-590), nói nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh V.I. Lênin.

Summing up the victories: “we won those victories first of all thanks to the irreplaceable weapon, Marxism–Leninism” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 15, pp. 589-590), said on the centenary of Lenin’s birth.

Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản theo đúng hình mẫu V.I. Lênin đặt ra: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra” (V.I. Lênin: Toàn tập, t.41, tr.362).

Hồ Chí Minh became a communist of the kind Lenin described: “One can become a communist only when one enriches one’s mind with knowledge of all the treasures that humanity has created” (Lenin: Collected Works, vol. 41, p. 362).